

Các yếu tố cấp độ quốc gia thúc đẩy chính sách thương mại của Chính quyền Tổng thống Mỹ Donald J. Trump nhiệm kỳ hai

Nguyễn Ngọc Mạnh¹

Ngày nhận bài: 06/7/2026 | Ngày gửi phản biện: 08/7/2026 | Ngày duyệt đăng: 14/8/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích các động lực cấp độ quốc gia đang thúc đẩy chính sách thương mại của Mỹ dưới thời Donald Trump trong nhiệm kỳ thứ hai, qua đó lý giải vì sao xu hướng bảo hộ, đơn phương và an ninh hóa thương mại tiếp tục gia tăng. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp, nghiên cứu tập trung vào bốn nhóm nhân tố: động lực bảo hộ việc làm Mỹ, sự kết hợp của chính sách công nghiệp và an ninh, khung pháp lý và thể chế điều hành tập trung, cùng bộ máy điều hành thương mại. Kết quả cho thấy, chính sách thương mại của Mỹ không chỉ phản ánh lựa chọn của một chính quyền, mà còn là sản phẩm của sự hợp nhất giữa mục tiêu kinh tế, chính trị và an ninh ở cấp độ quốc gia. Các động lực này đồng thời tạo ra tính chính danh chính trị, không gian thể chế và công cụ hành pháp để Mỹ theo đuổi cách tiếp cận cứng rắn trong thương mại quốc tế.

Từ khóa: Donald Trump, thương mại, chính sách, cấp độ quốc gia.

State-Level Factors Driving Donald Trump's Trade Policy in His Second Term

Abstract: This article analyzes the national-level drivers of U.S. trade policy under Donald Trump's second term, thereby explaining why trends toward protectionism, unilateralism, and the securitization of trade continue to intensify. Based on a synthesis and analysis of secondary sources, the study focuses on four clusters of factors: the driver of U.S. job protectionism, the combination of industrial and security policy, the centralized legal and institutional framework of governance, and the trade administration apparatus. The findings show that U.S. trade policy reflects not only the choices of one administration, but also the convergence of economic, political, and security objectives at the national level. These dynamics simultaneously generate political legitimacy, institutional room for maneuver, and executive instruments for the United States to pursue a harder line in international trade.

Keywords: Donald Trump, trade, policy, state-level.

1. Mở đầu

Chính sách thương mại của Mỹ trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Donald Trump tiếp tục cho thấy xu hướng bảo hộ mạnh mẽ, gắn chặt với các mục tiêu an ninh kinh tế, tái công nghiệp hóa và củng cố vị thế sản xuất trong nước. Nếu ở cấp độ hệ thống, chính sách thương mại bị chi phối bởi cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc, phân mảnh thương mại - công nghệ hay khủng hoảng của WTO, thì ở cấp độ quốc gia, các động lực nội tại của Mỹ vẫn đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa áp lực cấu trúc thành các quyết định chính sách cụ thể. Trong bối cảnh đó, việc phân tích các yếu tố cấp độ quốc gia là cần thiết để hiểu tại sao Chính quyền Tổng thống Mỹ Donald J. Trump nhiệm kỳ hai (Chính quyền Trump 2.0) có thể tiếp tục sử dụng thuế quan, kiểm soát nhập khẩu, thúc đẩy sản xuất nội địa và mở rộng quyền hành pháp trong lĩnh vực thương mại.

Các diễn ngôn chính sách trong nhiệm kỳ hai cho thấy Nhà Trắng thường xuyên đặt thâm hụt thương mại hàng hóa kéo dài vào trung tâm lập luận, coi đây là dấu hiệu của một trật tự thương mại “bất công” và là nguyên nhân làm suy giảm việc làm trong ngành sản xuất. Cách diễn giải này giúp biến một chỉ báo kinh tế vĩ mô thành câu chuyện chính trị có sức huy động lớn, đặc biệt tại các bang công nghiệp

¹ TS, Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ; Email: ngocmanhhp@gmail.com

và các nhóm cử tri chịu tác động của phi công nghiệp hóa. Đồng thời, việc mở rộng các công cụ pháp lý vốn đã được thiết lập từ trước cho phép Tổng thống và bộ máy hành pháp chủ động hơn trong việc áp đặt thuế, điều chỉnh nhượng bộ và theo đuổi mục tiêu thương lượng song phương với nhiều đối tác.

Bài viết này nhằm làm rõ bốn động lực cấp độ quốc gia thúc đẩy chính sách thương mại của ông Donald Trump trong nhiệm kỳ thứ hai: bảo hộ việc làm Mỹ; sự kết hợp giữa chính sách công nghiệp và an ninh; khung pháp lý và thể chế điều hành tập trung; và bộ máy điều hành thương mại. Câu hỏi trung tâm của nghiên cứu là: những yếu tố nội tại nào của nước Mỹ đã tạo điều kiện cho chính sách thương mại cứng rắn tiếp tục được triển khai và hợp thức hóa? Từ đó, bài viết hướng tới việc chỉ ra rằng, chính sách thương mại của ông Donald Trump không phải là hiện tượng nhất thời, mà là kết quả của một quá trình quốc gia hóa và an ninh hóa thương mại ngày càng sâu sắc.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, dựa trên tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp. Nguồn tư liệu chính gồm các báo cáo của Congressional Research Service, U.S. International Trade Commission, USTR, Nhà Trắng, các nghiên cứu học thuật và bài phân tích chính sách liên quan trực tiếp đến thuế quan, chính sách công nghiệp, an ninh kinh tế và cơ chế điều hành thương mại của Mỹ. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu làm rõ logic nội tại của chính sách hơn là đo lường tác động định lượng thuần túy.

Về khung phân tích, bài viết sử dụng lăng kính cấp độ quốc gia để tập trung vào cách các ưu tiên kinh tế, chính trị và thể chế ở trong nước Mỹ được chuyển hóa thành hành động chính sách. Thay vì xem thuế quan chỉ là phản ứng kỹ thuật với mất cân bằng thương mại, nghiên cứu coi chúng là công cụ chính trị - thể chế nhằm đạt các mục tiêu rộng hơn: tái định hình phân phối lợi ích, bảo vệ công nghiệp chiến lược và củng cố tính chính danh của chính quyền. Các luận điểm được sắp xếp theo bốn cụm vấn đề tương ứng với bốn động lực chính, từ đó tái cấu trúc nội dung của tài liệu gốc thành một bài báo khoa học hoàn chỉnh.

3. Kết quả

3.1. Động lực bảo hộ việc làm Mỹ

Kết quả phân tích cho thấy động lực bảo hộ việc làm là nền tảng chính trị quan trọng nhất của chính sách thương mại Trump 2.0 ở cấp độ quốc gia. Chính quyền Trump tiếp tục đặt thâm hụt thương mại hàng hóa kéo dài vào trung tâm diễn ngôn chính sách, coi đây là bằng chứng cho thấy thương mại quốc tế đã vận hành “bất công” đối với lao động Mỹ và là nguyên nhân trực tiếp làm suy yếu ngành sản xuất trong nước (Manak et al., 2025). Trong cách lập luận này, thuế quan không chỉ là biện pháp kinh tế mà còn là biểu tượng của việc “giành lại” việc làm, năng lực sản xuất và phẩm giá lao động Mỹ.

Một điểm đáng chú ý là chính quyền Trump đã chính trị hóa mạnh mẽ thâm hụt thương mại bằng cách gắn nó với hình ảnh nhà máy đóng cửa, chuỗi cung ứng dịch chuyển ra nước ngoài và sự suy giảm của tầng lớp lao động công nghiệp. Cách gắn kết này có sức huy động rất lớn đối với các bang công nghiệp, nơi cử tri thường cảm nhận rõ hơn tác động của mất việc làm, giảm đầu tư và cạnh tranh nhập khẩu. Theo các phân tích của CFR, gói “Liberation Day” được thiết kế như một chiến dịch vừa kinh tế vừa chính trị, nhằm chứng minh rằng, Nhà Trắng đang đứng về phía công nhân Mỹ trong cuộc cạnh tranh với phần còn lại của thế giới (Manak et al., 2025).

Trên bình diện pháp lý, chính quyền đã tận dụng linh hoạt các công cụ sẵn có như Section 201, 232 và 301 để chuyển diễn ngôn bảo hộ thành hành động cụ thể. Báo cáo của CRS cho thấy, các công cụ này cho phép hành pháp mở rộng đáng kể không gian áp thuế mà không cần chờ các đạo luật mới từ Quốc hội, từ đó biến thâm hụt thương mại thành một loại “tình trạng khẩn cấp” có thể được xử lý bằng biện pháp đơn phương (Casey et al., 2020). Việc mở rộng và nối tiếp các quyền hạn này trong nhiệm kỳ hai cho thấy bảo hộ việc làm không phải là khẩu hiệu nhất thời mà đã trở thành logic điều hành thường trực.

Từ góc độ tác động, USITC cho thấy, các thuế 232 và 301 đã làm giảm nhập khẩu từ những đối tác bị nhắm mục tiêu, đồng thời làm tăng sản lượng ở một số ngành sản xuất nội địa, nhưng cái giá là

giá trong nước tăng lên và hiệu quả với tổng thâm hụt thương mại rất hạn chế (U.S. International Trade Commission, 2023). Điều đó cho thấy, chiến lược bảo hộ mang lại lợi ích chính trị rõ ràng hơn lợi ích kinh tế tổng thể. Tuy nhiên, trong diễn ngôn của ông Trump, các con số về tăng sản lượng và đầu tư ở một số ngành được nhấn mạnh như bằng chứng cho thấy, thuế quan có thể “phục hồi” công ăn việc làm Mỹ, bất chấp chi phí lan tỏa đối với người tiêu dùng và các ngành hạ nguồn.

3.2. Sự kết hợp của chính sách công nghiệp và an ninh

Kết quả thứ hai cho thấy, chính sách thương mại nhiệm kỳ hai được lồng ghép rất chặt với chiến lược công nghiệp và an ninh quốc gia. Thay vì xem thương mại như một lĩnh vực riêng biệt, chính quyền Trump sử dụng thuế quan như công cụ để tái cấu trúc năng lực sản xuất trong nước ở các ngành được xem là nền tảng cho an ninh kinh tế và an ninh quốc gia. Điều này thể hiện rõ trong các lĩnh vực thép, nhôm, ô tô, bán dẫn và một số khoáng sản chiến lược.

Trong trường hợp thép và nhôm, chính quyền Trump 2.0 tái áp dụng và sau đó tăng đáng kể mức thuế theo Section 232, với lập luận rằng, năng lực công nghiệp nội địa là yếu tố thiết yếu đối với quốc phòng, cơ sở hạ tầng và chuỗi cung ứng chiến lược (Nasser & Takitani, 2025). Ở đây, thương mại không còn là vấn đề cân bằng lợi ích giữa các ngành, mà trở thành phương tiện bảo đảm rằng Mỹ vẫn có thể duy trì các ngành công nghiệp nền tảng trong môi trường cạnh tranh toàn cầu. Báo cáo của USITC cũng cho thấy, thuế 232 đã làm tăng sản lượng thép, nhôm và tỷ lệ sử dụng năng lực trong nước, dù gây thiệt hại cho các ngành hạ nguồn sử dụng các đầu vào này (U.S. International Trade Commission, 2023).

Đối với ngành ô tô, chính quyền Trump tiếp tục sử dụng logic an ninh - công nghiệp để biện minh cho các biện pháp thuế bổ sung và điều chỉnh ưu đãi nhằm khuyến khích lắp ráp, sản xuất và nội địa hóa chuỗi giá trị tại Mỹ. Điều này cho thấy mục tiêu của chính quyền không chỉ là giảm nhập khẩu, mà là tái tổ chức chuỗi cung ứng theo một trật tự mà Mỹ kiểm soát tốt hơn. Bằng việc gắn chính sách thương mại với các chương trình “Buy American” và “Hire American”, Nhà Trắng biến thuế quan thành đòn bẩy tái công nghiệp hóa.

Trong lĩnh vực bán dẫn và công nghệ cao, mối liên hệ giữa thương mại và an ninh càng trở nên rõ nét. Theo USITC, các biện pháp thuế đối với hàng công nghệ cao từ Trung Quốc đã làm giảm mạnh nhập khẩu, đồng thời hỗ trợ một phần cho việc mở rộng sản xuất trong nước (U.S. International Trade Commission, 2023). Chính quyền Trump coi kiểm soát công nghệ là một phần của chiến lược cạnh tranh quốc gia, trong đó việc bảo vệ chuỗi cung ứng chất bán dẫn, thiết bị điện tử và công nghệ lưỡng dụng có ý nghĩa trực tiếp đối với sức mạnh chiến lược của Mỹ. Vì vậy, chính sách thương mại dưới thời ông Trump ngày càng mang dáng dấp của chính sách công nghiệp an ninh hóa.

3.3. Khung pháp lý và thể chế điều hành tập trung

Một kết quả quan trọng khác là sự tập trung quyền lực thương mại vào nhánh hành pháp, đặc biệt là Tổng thống. Khung pháp lý hiện hành của Mỹ trao cho Tổng thống những thẩm quyền rộng để áp đặt thuế quan và hạn chế nhập khẩu thông qua các công cụ như Section 232, Section 301 và IEEPA. Các công cụ này cho phép Nhà Trắng hành động nhanh, linh hoạt và tương đối ít phụ thuộc vào quy trình lập pháp thông thường (Looney & Patel, 2025; Zirpoli, 2025).

Section 232 cho phép Tổng thống áp dụng các biện pháp nhập khẩu nếu Bộ Thương mại xác định rằng hàng nhập khẩu đe dọa an ninh quốc gia. Điều này làm cho khái niệm an ninh quốc gia trở thành một vùng diễn giải rất rộng, từ đó mở đường cho việc sử dụng thuế quan đối với thép, nhôm và nhiều sản phẩm khác. Section 301 cũng cung cấp quyền lực đáng kể để USTR và Tổng thống xử lý các “thực tiễn thương mại không công bằng” của đối tác bằng thuế bổ sung hoặc đình chỉ nhượng bộ (Schwarzenberg, 2020). Trong nhiệm kỳ hai, hai công cụ này tiếp tục được sử dụng như nền tảng pháp lý chính cho các gói thuế lớn.

Sự kết hợp giữa IEEPA, sắc lệnh hành pháp và các tuyên bố khẩn cấp còn làm mở rộng hơn nữa không gian hành động của Tổng thống. Theo các phân tích của CRS và Brookings, việc Nhà Trắng có thể đơn phương áp thuế khiến cán cân quyền lực trong chính sách thương mại nghiêng mạnh về phía hành pháp, trong khi Quốc hội chủ yếu đóng vai trò giám sát hậu kiểm (Looney & Patel, 2025; Zirpoli,

2025). Trạng thái này đặc biệt thuận lợi cho một chính quyền theo đuổi cách tiếp cận quyết liệt như Trump, vì nó cho phép chuyển nhanh lập luận chính trị thành quyết định hành pháp cụ thể.

Điều quan trọng là sự tập trung quyền lực không chỉ tạo ra tốc độ ra quyết định mà còn hợp thức hóa logic hành động đơn phương. Khi các công cụ pháp lý cho phép Tổng thống hành động dưới danh nghĩa bảo vệ an ninh, xử lý thâm hụt hoặc phản ứng với thực tiễn không công bằng, chính sách thương mại trở nên khó bị giới hạn bởi các ràng buộc ngoại giao thông thường. Đây chính là nền tảng thể chế giúp ông Trump theo đuổi các gói thuế quy mô lớn mà vẫn duy trì được diễn ngôn rằng đó là hành động cần thiết và hợp pháp.

3.4. Bộ máy điều hành thương mại

Kết quả cuối cùng cho thấy, bộ máy điều hành thương mại của Mỹ được tổ chức theo kiểu liên ngành nhưng tập trung cao độ vào Nhà Trắng. USTR giữ vai trò là cơ quan cố vấn thương mại hàng đầu, phối hợp với Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, USITC và nhiều cơ quan khác trong quá trình xây dựng, đánh giá và thực thi chính sách (Akhtar, 2025; USTR, 2025a; USTR, 2025b). Điều này cho phép chính quyền Trump vừa duy trì vẻ ngoài của một quy trình thể chế, vừa bảo đảm rằng quyết định cuối cùng vẫn nằm trong tay Tổng thống và nhóm cố vấn thân cận.

Trong thực tế, USTR chủ trì các cơ chế liên ngành như TPSC và TPRG, nơi các bộ và cơ quan liên bang cùng tham gia xử lý các vấn đề thương mại lớn. Bộ Thương mại cung cấp phân tích về năng lực ngành và tác động nhập khẩu, Bộ Tài chính tham gia về khía cạnh tiền tệ, tài chính và trừng phạt, còn USITC đóng góp đánh giá kỹ thuật và mô hình hóa tác động (Akhtar, 2025; Yuan et al., 2025). Cấu trúc này tạo ra một bộ máy vừa có năng lực chuyên môn, vừa có khả năng phản ứng nhanh với ưu tiên chính trị của chính quyền.

Dưới thời Tổng thống Donald Trump, vai trò điều phối tại Nhà Trắng còn được củng cố bởi các đơn vị chuyên trách như National Trade Council, qua đó, làm rõ xu hướng “Nhà Trắng hóa” chính sách thương mại. Nói cách khác, thay vì để các bộ ngành tự chủ tương đối, chính quyền ưu tiên một mô hình trong đó thương mại được đặt trực tiếp dưới sự chỉ đạo của Tổng thống. Cơ chế này phù hợp với phong cách điều hành mang tính giao dịch và tập trung quyền lực của ông Trump, đồng thời giúp Nhà Trắng sử dụng thuế quan như công cụ đàm phán trong cả quan hệ với đối tác lẫn trong chính trị nội bộ.

4. Thảo luận

Các kết quả trên cho thấy, chính sách thương mại của Tổng thống Donald Trump trong nhiệm kỳ thứ hai cần được hiểu như sản phẩm của sự giao thoa giữa bốn động lực cấp độ quốc gia. Bảo hộ việc làm Mỹ tạo ra nền tảng chính trị đại chúng; chính sách công nghiệp và an ninh biến thương mại thành công cụ tái cấu trúc năng lực sản xuất; khung pháp lý tập trung trao cho Tổng thống quyền hành động rất rộng; và bộ máy điều hành thương mại bảo đảm rằng các mục tiêu chính trị có thể được chuyển hóa thành quyết định hành pháp nhanh chóng. Chính sự kết hợp này khiến thương mại dưới thời ông Trump có xu hướng được vũ khí hóa mạnh hơn so với giai đoạn trước.

Về mặt lý thuyết, kết quả này cho thấy không thể giải thích đầy đủ chính sách thương mại của Mỹ chỉ bằng các biến số nội bộ như bầu cử, vận động hành lang hay phong cách lãnh đạo. Các động lực đó quan trọng, nhưng chúng chỉ phát huy hiệu lực khi được đặt trong một cấu trúc thể chế và chính trị cho phép hành pháp hành động đơn phương, đồng thời khi một bộ phận cử tri đã sẵn sàng chấp nhận ngôn ngữ bảo hộ và chủ nghĩa dân tộc kinh tế. Nói cách khác, ông Trump có thể là người tăng tốc xu hướng, nhưng xu hướng ấy đã được chuẩn bị bởi sự dịch chuyển lâu dài của nền kinh tế và chính trị Mỹ.

Hàm ý chính sách đối với các nền kinh tế tâm trung như Việt Nam là rất rõ. Trước một môi trường thương mại quốc tế mà biến động chính sách của các cường quốc có thể trở thành trạng thái thường trực, các nước nhỏ và vừa không thể tiếp tục dựa vào giả định rằng luật chơi đa phương sẽ ổn định và đủ sức kiểm soát hành vi đơn phương. Cơ hội có thể xuất hiện từ dịch chuyển chuỗi cung ứng, tái cơ cấu đầu tư và xu hướng đa dạng hóa khỏi Trung Quốc, nhưng đi kèm là rủi ro bị cuốn vào các vòng áp thuế, siết kiểm soát xuất xứ, giám sát công nghệ và sức ép chọn phe giữa các hệ sinh thái cạnh tranh.

Đối với Việt Nam, điều đó đòi hỏi một chiến lược thích ứng linh hoạt hơn. Một mặt, cần tận dụng cơ hội từ dịch chuyển sản xuất và dòng vốn để nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị, đặc biệt ở các khâu có giá trị gia tăng cao hơn. Mặt khác, cần tăng cường năng lực phòng vệ thương mại, minh bạch hóa chuỗi cung ứng, quản trị rủi ro xuất xứ và xây dựng quan hệ kinh tế đa phương đa tầng để tránh phụ

thuộc vào một thị trường hoặc một khối duy nhất. Quan trọng hơn, cần nhận thức rằng trong một trật tự thương mại ngày càng bị chính trị hóa, năng lực thích ứng thể chế sẽ quan trọng không kém năng lực cạnh tranh chi phí.

5. Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu cho thấy, chính sách thương mại của Tổng thống Donald Trump trong nhiệm kỳ thứ hai là kết quả của bốn động lực cấp độ quốc gia: bảo hộ việc làm Mỹ, sự kết hợp giữa chính sách công nghiệp và an ninh, khung pháp lý - thể chế tập trung và bộ máy điều hành thương mại dưới sự chỉ đạo mạnh của Nhà Trắng. Những động lực này không chỉ giải thích vì sao thuế quan và các biện pháp hạn chế nhập khẩu tiếp tục được mở rộng, mà còn cho thấy chính sách thương mại đã được chuyển hóa thành công cụ tái công nghiệp hóa và an ninh hóa nền kinh tế Mỹ.

Từ đó có thể kết luận rằng chính sách thương mại thời Trump 2.0 không phải là hiện tượng ngẫu nhiên hay đơn thuần mang tính cá nhân, mà là biểu hiện của quá trình quốc gia hóa thương mại ngày càng sâu sắc. Trong điều kiện đó, các nền kinh tế tầm trung như Việt Nam cần chuẩn bị cho một trật tự thương mại thế giới ít ổn định hơn, nơi cạnh tranh giữa các cường quốc sẽ tiếp tục định hình mạnh mẽ hành vi chính sách của Mỹ. Việc hiểu rõ các động lực cấp độ quốc gia là điều kiện cần để thiết kế các chiến lược thích ứng, tận dụng cơ hội và giảm thiểu rủi ro trong môi trường thương mại toàn cầu bất định.

Ghi chú: Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Chính sách thương mại trong nhiệm kỳ thứ hai của Donald Trump và khuyến nghị cho Việt Nam”, mã số: KHXH/ĐX/2025-162, do TS. Nghiêm Tuấn Hùng làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ là cơ quan chủ trì.

Tài liệu tham khảo

1. Akhtar, S. I. (2025, Mar 24). *U.S. Trade Policy: Trade Functions of Key Federal Agencies*. Congressional Research Service. <https://www.congress.gov/crs-product/IF11016>
2. Casey, C. A., Cimino-Isaacs, C. D., Fefer, R. F., Hammond, K. E., Jones, V. C., Schwarzenberg, A. B., et al. (2020). *Trump Administration Tariff Actions: Frequently Asked Questions*. Congressional Research Service. <https://www.congress.gov/crs-product/R45529>
3. Looney, A., & Patel, E. (2025, Jan 15). *Why does the executive branch have so much power over tariffs?* Brookings Institution. <https://www.brookings.edu/articles/why-does-the-executive-branch-have-so-much-power-over-tariffs/>
4. Manak, I., Patterson, R., Liu, Z. Z., O'Neil, S. K., Setser, B. W., Alden, E., et al. (2025, July 7). *What Trump Trade Policy Has Achieved Since 'Liberation Day'*. Council on Foreign Relations. <https://www.cfr.org/article/what-trump-trade-policy-has-achieved-liberation-day>
5. Nasser, R., & Takitani, M. (2025). The Tariff Policy of the Trump 2.0 Administration. *CEBRI-Revista*, 14, 62-84. <https://cebri-revista.emnuvens.com.br/revista/article/view/265/405>
6. Schwarzenberg, A. B. (2020). *Section 301 of the Trade Act of 1974: Origin, evolution, and use (R46604)*. Congressional Research Service. <https://www.congress.gov/crs-product/R46604>
7. U.S. International Trade Commission. (2023). *Economic Impact of Section 232 and 301 Tariffs on U.S. Industries (USITC Publication 5405)*. <https://www.usitc.gov/publications/332/pub5405.pdf>
8. USTR. (2025a). *About USTR*. <https://ustr.gov/about-us/about-ustr>
9. USTR. (2025b). *Interagency Role*. <https://ustr.gov/about-us/interagency-role>
10. Yuan, W. J., et al. (2025). *The Year in Trade 2024: Operation of the Trade Agreements Program 76th Report*. U.S. International Trade Commission. <https://www.usitc.gov/publications/332/pub5673.pdf>
11. Zirpoli, C. T. (2025). *Congressional and Presidential Authority to Impose Import Tariffs*. Congressional Research Service. https://www.congress.gov/crs_external_products/R/PDF/R48435/R48435.3.pdf